

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2017/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 320/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 105/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ngành tỉnh liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị khác sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020

1. Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 100/2015/QH13 của Quốc hội và các văn bản pháp luật có liên quan trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và chính quyền cấp huyện, cấp xã.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

4. Ưu tiên bố trí vốn cho các vùng bãi ngang ven biển, các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các địa phương.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 3. Tiêu chí phân bổ vốn

1. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo.
2. Tiêu chí quy mô hộ nghèo.

Điều 4. Xác định hệ số, định mức phân bổ vốn cho từng dự án

1. Dự án 1. Chương trình 30a

a) Tiêu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo:

- Phạm vi và đối tượng hỗ trợ: Huyện nghèo được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (nếu có);

- Định mức phân bổ:

+ Vốn đầu tư phát triển: Bằng tổng vốn đầu tư phát triển của Dự án 1. Chương trình 30a được Trung ương giao hằng năm trừ vốn đầu tư phát triển Tiêu dự án 2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển;

+ Kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển.

b) Tiêu dự án 2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển:

- Phạm vi hỗ trợ: Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017, gồm 11 xã: Tân Thới, Tân Phú, Tân Thạnh, Phú Thạnh, Phú Đông, Phú Tân (huyện Tân Phú Đông), Bình Xuân, Bình Đông (thị xã Gò Công), Gia Thuận, Kiềng Phước, Phước Trung (huyện Gò Công Đông) - sau đây gọi tắt là các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển;

- Định mức phân bổ:

+ Vốn đầu tư phát triển: Định mức phân bổ hoạt động hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển: 01 tỷ đồng/xã/năm (trong quá trình thực hiện, tùy thuộc vào khả năng cân đối ngân sách Trung ương, tăng định mức phân bổ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển cho phù hợp);

+ Kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 6,3% tổng vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng/xã/năm.

c) Tiểu dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển (kinh phí sự nghiệp)

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo:

+ Phạm vi hỗ trợ: Huyện nghèo được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (nếu có);

+ Đối tượng hỗ trợ: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo; nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn; tổ chức và cá nhân có liên quan; đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án;

+ Định mức phân bổ: là phần kinh phí sự nghiệp còn lại của Dự án 1. Chương trình 30a sau khi trừ kinh phí sự nghiệp của Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 2, Tiểu dự án 4 và kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển thuộc Tiểu dự án 3.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển:

+ Phạm vi hỗ trợ: Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển;

+ Đối tượng hỗ trợ: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo; nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn; tổ chức và cá nhân có liên quan; đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về,... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án;

+ Định mức phân bổ: Định mức phân bổ kinh phí sự nghiệp để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển là 300 triệu đồng/xã/năm.

d) Tiểu dự án 4. Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (kinh phí sự nghiệp):

- Phạm vi hỗ trợ: Huyện nghèo được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (nếu có) và các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển;

- Đối tượng hỗ trợ: Lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động cư trú dài hạn trên địa bàn huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; ưu tiên đối tượng lao động là thanh niên chưa có việc làm, thanh niên thuộc hộ dân tộc thiểu số nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Định mức phân bổ: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát nhu cầu cần hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để phân bổ chỉ tiêu kinh phí sự nghiệp hằng năm cho phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.

2. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (kinh phí sự nghiệp):

a) Phạm vi hỗ trợ: Các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135;

b) Đối tượng hỗ trợ: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo; nhóm hộ, cộng đồng dân cư; tổ chức và cá nhân có liên quan; đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về,... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án;

c) Tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tỷ lệ hộ nghèo	
Huyện, thành phố, thị xã có tỉ lệ hộ nghèo dưới 4%	0,5
Huyện, thành phố, thị xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 4% đến dưới 5%	0,55
Huyện, thành phố, thị xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 5% trở lên	0,6
2. Quy mô hộ nghèo	
Huyện, thành phố, thị xã có quy mô hộ nghèo dưới 1.500 hộ	0,5
Huyện, thành phố, thị xã có quy mô hộ nghèo từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,6
Huyện, thành phố, thị xã có quy mô hộ nghèo từ 2.000 hộ trở lên	0,7

(Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của huyện, thành phố, thị xã để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang).

d) Định mức phân bổ:

Tổng vốn bố trí cho một huyện, thành phố, thị xã = A x N x X. Trong đó:

- A: Định mức bình quân cho một xã (triệu đồng).

- N: Số xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã.

- X: Tổng các hệ số theo hai tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

3. Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (kinh phí sự nghiệp):

a) Phạm vi hỗ trợ: Các sở, ngành, địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

b) Đối tượng hỗ trợ: Người dân, cộng đồng dân cư; các tổ chức và cá nhân có liên quan;

c) Định mức phân bổ:

- Sở Thông tin và Truyền thông: 50% kinh phí sự nghiệp thực hiện Dự án 4 để phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã thực hiện hoạt động giảm nghèo về thông tin;

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 50% kinh phí sự nghiệp thực hiện Dự án 4 để phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã thực hiện hoạt động truyền thông về giảm nghèo.

4. Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình (kinh phí sự nghiệp):

a) Phạm vi hỗ trợ: Các sở, ngành, địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Hoạt động nâng cao năng lực: Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, ưu tiên nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

- Công tác giám sát, đánh giá: Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Định mức phân bổ:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 60% kinh phí sự nghiệp thực hiện Dự án 5 bao gồm 50% kinh phí để thực hiện hoạt động nâng cao năng lực cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp và 10% kinh phí để thực hiện công tác giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

- Các cơ quan chủ trì thực hiện các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần: 40% kinh phí sự nghiệp thực hiện Dự án 5 để tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá; trong đó, định mức của từng cơ quan, đơn vị, giao Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để phân bổ chỉ tiêu kinh phí sự nghiệp hằng năm cho phù hợp điều kiện thực tế.

Điều 5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020

Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu là 15% so với tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình; trong đó:

1. Các dự án do các sở, ngành tỉnh thực hiện: ngân sách tỉnh chi 100% vốn đối ứng.

2. Các dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện: ngân sách tỉnh chi 60%, ngân sách cấp huyện chi 40% vốn đối ứng.

3. Các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ gồm các huyện Tân Phước, Tân Phú Đông, Gò Công Đông và Gò Công Tây: ngân sách tỉnh chi 80%, ngân sách cấp huyện chi 20% vốn đối ứng.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa IX, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: TN&MT, Tài chính, Tư pháp, Kế hoạch - Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh uỷ;
- UBND, UB. MTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh